VAI TRÒ CỦA TỪ ĐIỂN SỐ TRONG QUÁ TRÌNH TIẾP THU TỪ VỰNG: NGHIÊN CỨU TRÊN SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TẠI ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

NGUYỄN VIỆT KHOA
Khoa Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội

Nhận bài ngày 02/3/2025. Sửa chữa xong 12/3/2025. Duyệt đăng 14/3/2025.

Abstract

This study examines the use of digital dictionaries in vocabulary acquisition among English language students at Hanoi University of Science and Technology. A survey of 122 students found that 75,4% use digital dictionaries daily, while only 6,6% prefer printed ones. Key benefits include fast lookup, pronunciation support, and AI translation. However, challenges such as accuracy, AI dependence, and digital distractions remain. The findings highlight the need for strategies to enhance the effectiveness of digital dictionaries in language learning.

Keywords: *Digital dictionary, vocabulary acquisition, language learning, AI translation tools, learning effectiveness.*

1. Đặt vấn đề

Công nghệ phát triển đã thay đổi cách học ngôn ngữ, đặc biệt trong việc sử dụng từ điển. Trước đây, từ điển in giấy là công cụ không thể thiếu nhưng sự ra đời của từ điển số và các công cụ dịch thuật AI (Artificial Intelligence) đã làm thay đổi thói quen tra cứu từ vựng [1], [2]. Điều này đặt ra câu hỏi về hiệu quả của từ điển số so với các loại từ điển truyền thống. Sinh viên (SV) đại học ngày càng ưa chuộng từ điển số nhờ khả năng truy cập nhanh, hỗ trợ phát âm và gợi ý phong phú từ AI. Dù có nhiều lợi ích vẫn tồn tại một số lo ngại với từ điển số như độ tin cậy hay nguy cơ phụ thuộc quá mức. Hiểu rõ sở thích, thói quen và tần suất sử dụng từ điển số của người học sẽ giúp đánh giá tác động của công cụ này đối với việc học và tiếp thu từ vựng. Nghiên cứu này phân tích việc sử dụng từ điển số của SV đại học, tập trung vào hiệu quả và các yếu tố ảnh hưởng đến thực tế từ điển số được ưa chuộng hơn từ điển giấy. Dựa trên khảo sát định lượng, nghiên cứu sẽ đánh giá tác động của từ điển số đối với quá trình tiếp thu từ vựng, đồng thời cung cấp dữ liệu hữu ích cho giảng viên về xu hướng sử dụng từ điển trong môi trường học thuật hiện đại.

2. Cơ sở lí thuyết

2.1. Từ điển số và từ điển in giấy

"Từ điển số" (digital dictionary) là một ứng dụng, phần mềm hoặc tài nguyên trực tuyến chứa cơ sở dữ liệu từ vựng, cung cấp thông tin về định nghĩa, cách phát âm, cách sử dụng và các ví dụ minh họa của từ trong các ngôn ngữ khác nhau. Sự thay đổi từ từ điển song ngữ in ấn sang từ điển số phản ánh tiến bộ công nghệ và nhu cầu người dùng. Trước đây, từ điển in giấy đóng vai trò tiêu chuẩn hóa ngôn ngữ, giúp người học tiếp cận nghĩa từ vựng nhanh chóng. Tuy nhiên, chúng có hạn chế trong việc cập nhật nhanh các thuật ngữ mới. Nghiên cứu về hành vi người dùng nhấn mạnh xu hướng ưa chuộng công cụ số. Sự phát triển của từ điển trực tuyến như LDOCE Online và OED Online [1], [3] cho phép cập nhật linh hoạt hơn. Laufer, B., & Hill, M. (2000) [4] chỉ ra rằng tính năng âm thanh hỗ trợ phát âm giúp tăng cường ghi nhớ từ vựng. Các nhà nghiên cứu cũng nhận thấy tính di động của từ điển

Email: khoa.nguyenviet@hust.edu.vn

số làm tăng mức độ sử dụng, nhưng họ cảnh báo về nguy cơ lệ thuộc, khiến SV bỏ qua phân tích ngữ pháp. Malmkjær, K., & Sakamoto, A. (2022) [5] cho rằng các công cụ AI như Google Translate, DeepL hay ChatGPT có khả năng cao dịch sai các thành ngữ văn hóa. Hiện vẫn tồn tại nhiều khác biệt giữa các quan điểm ủng hộ từ điển in giấy và từ điển số, đặc biệt trong bối cảnh học ngoại ngữ [6]. Nghiên cứu này bổ sung dữ liệu từ SV chuyên ngành Tiếng Anh, góp phần làm sáng tỏ nhận định về sự chuyển giao phương thức trong việc sử dụng từ điển.

2.2. Các lý thuyết về việc tiếp thu từ vựng

Nhiều mô hình lý thuyết giúp mang lại cái nhìn sâu sắc về cách người học tiếp thu và ghi nhớ từ vựng (thụ đắc từ vựng), điều này đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá hiệu quả của từ điển.

2.2.1. Thuyết Đầu vào

Thuyết Đầu vào (Input Hypothesis) của Krashen cho rằng việc tiếp thu ngôn ngữ diễn ra khi người học được tiếp xúc với đầu vào ngôn ngữ dễ hiểu *(comprehensible input)*, cao hơn một chút so với trình độ hiện tại của họ (i+1) [7]. Từ điển số hỗ trợ quá trình này bằng cách cung cấp định nghĩa theo thời gian thực, câu ví dụ và các tính năng đa phương tiện giúp làm cho đầu vào dễ hiểu hơn. Tuy nhiên, các nhà phê bình cho rằng tra cứu từ điển số một cách tức thì có thể khuyến khích việc học thụ động, làm giảm mức độ tương tác sâu với từ vựng.

2.2.2. Thuyết Mã hóa kép

Thuyết Mã hóa Kép (Dual-Coding Theory) của Paivio cho rằng thông tin được xử lý qua hai kênh: bằng lời (verbal) và không bằng lời (non-verbal) [8]. Từ điển số, với tính năng phát âm âm thanh, hình ảnh minh họa và ví dụ theo ngữ cảnh, phù hợp với lý thuyết này vì chúng nâng cao khả năng ghi nhớ thông qua học tập đa phương thức *(multimodal learning)*. Nghiên cứu của Mayer ủng hộ quan điểm này, cho rằng người học nhớ từ vựng tốt hơn khi họ liên kết từ với hình ảnh và âm thanh. Tuy nhiên, Thuyết Tải nhận thức (Cognitive Load Theory) của Sweller cảnh báo rằng việc sử dụng quá nhiều đa phương tiện có thể dẫn đến quá tải nhận thức, làm giảm hiệu quả học tập.

2.2.3. Độ sâu và Độ rộng của từ vựng

Nation, P. (2001) [9] phân biệt giữa độ rộng *(breadth)*, số lượng từ người học biết và độ sâu *(depth)*, mức độ hiểu từ vựng. Trong khi từ điển số mở rộng độ rộng từ vựng nhờ khả năng tra cứu nhanh chóng, vai trò của chúng trong việc nâng cao độ sâu, bao gồm cách kết hợp từ, sắc thái nghĩa và tính ngữ dụng vẫn còn gây tranh cãi. Các nghiên cứu của nhiều tác giả khác cho thấy dù công cụ số giúp tăng cường khả năng tiếp xúc với từ vựng, việc học sâu hơn đòi hỏi sự sử dụng lặp lại trong nhiều bối cảnh khác nhau.

2.3. Nghiên cứu về việc sử dụng từ điển và hiệu quả sử dụng

Các nghiên cứu thực nghiệm về việc sử dụng từ điển đã xem xét vai trò tác động của nó đối với quá trình tiếp thu từ vựng và các chiến lược học tập. Nhiều nghiên cứu tập trung vào hiệu quả của các loại từ điển đối với SV học Tiếng Anh như ngoại ngữ (EFL) và đưa ra kết luận rằng việc sử dụng từ điển cung cấp thông tin kép (định nghĩa và bản dịch) tối ưu hóa việc học từ vựng, đặc biệt khi người học cần cả hiểu và áp dụng từ ngay lập tức [10]. Điều này phù hợp với nghiên cứu của của một tác giả khác, lập luận rằng quá trình xử lý sâu sắc hơn xảy ra khi người học tham gia vào việc tạo dựng ý nghĩa thay vì chỉ dịch đơn thuần. Các nghiên cứu sử dụng từ điển trong nhóm SV EFL phát hiện ra những người tích cực tương tác với câu ví dụ, tính năng phát âm và các yếu tố tương tác khác có khả năng ghi nhớ từ vựng tốt hơn so với những người chỉ tra nghĩa. Tương tự, nhiều người khác nhấn mạnh tầm quan trọng của kỹ năng tra cứu từ điển, cho rằng nếu không được hướng dẫn đúng cách, người học có thể sử dụng sai công cụ và không khai thác được nguồn dữ liệu ngôn ngữ một cách hiệu quả. Các nghiên cứu gần đây hơn đi sâu đánh giá các từ điển được hỗ trợ bởi AI, nhấn mạnh lợi ích của chúng trong việc cung cấp bản dịch theo ngữ cảnh theo thời gian thực. Tuy nhiên, những công cụ này cũng tiềm ẩn nguy cơ gây ra sự phụ thuộc như SV sử dụng ứng dụng dịch thuật thường gặp khó khăn trong việc sản sinh ngôn ngữ khi viết học thuật. Mặc dù từ điển số mang lại sự tiện lợi, chúng có thể khuyến khích cách học hời hợt

nếu người dùng chỉ dựa vào dịch nghĩa trực tiếp mà không tìm hiểu cách sử dụng từ trong ngữ cảnh. Những phát hiện này cho thấy mặc dù từ điển số mang lại hiệu quả và khả năng tiếp cận cao, hiệu quả của chúng trong việc tiếp thu từ vựng phụ thuộc vào cách người dùng khai thác chúng. Nghiên cứu này kế thừa các nghiên cứu trước bằng cách phân tích cách SV đại học ngành Ngôn ngữ Anh đánh giá và sử dụng từ điển số trong việc học từ vựng.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp khảo sát định lượng để phân tích việc sử dụng từ điển số trong nhóm SV đại học. Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá tần suất sử dụng, hiệu quả và lợi ích mang lại của từ điển số thông qua các câu trả lời khảo sát có cấu trúc. Cách tiếp cận cắt ngang được sử dụng, cho phép thu thập dữ liệu tại một thời điểm duy nhất nhằm phản ánh thói quen và sở thích sử dụng từ điển của SV.

3.2. Đối tượng tham gia

Đối tượng tham gia nghiên cứu bao gồm SV năm thứ nhất và năm thứ ba ngành Ngôn ngữ Anh tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Tổng cộng có 122 SV tham gia, đảm bảo sự cân bằng giữa các cấp độ học thuật khác nhau. Việc bao gồm cả SV năm nhất và năm ba giúp cung cấp góc nhìn so sánh về sự thay đổi trong việc sử dụng từ điển số theo quá trình học tập.

3.3. Thu thập dữ liệu

Công cụ chính để thu thập dữ liệu là bảng câu hỏi khảo sát có cấu trúc, được thiết kế để thu thập thông tin về các khía cạnh sau: - Tần suất sử dụng từ điển (ví dụ: hàng ngày, hàng tuần, thỉnh thoảng); - Hiệu quả của từ điển số trong việc tiếp thu và hiểu từ vựng; - Lợi ích của từ điển số so với từ điển giấy.

Khảo sát được thực hiện trực tuyến và trực tiếp thông qua Microsoft Form nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận và tối đa hóa tỷ lệ phản hồi. Trước khi hoàn thành bảng câu hỏi, người tham gia đã cung cấp sự đồng thuận sau khi được thông tin đầy đủ về nghiên cứu.

3.4. Phân tích dữ liệu

Các câu trả lời khảo sát thu thập được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả nhằm xác định xu hướng và mô hình sử dụng từ điển. Các kĩ thuật thống kê sau được áp dụng: - Phân tích trung bình và tỷ lệ phần trăm để đánh giá tần suất sử dụng và mức độ hiệu quả trung bình; - Phân phối tần suất để phân loại và so sánh câu trả lời của SV.

Phân tích thống kê được thực hiện bằng Microsoft Excel nhằm đảm bảo độ chính xác trong việc tổng hợp kết quả khảo sát. Các phát hiện được trình bày dưới dạng biểu đồ dễ hiểu và trực quan khi thảo luận.

4. Phân tích dữ liệu và kết quả

4.1. Tần suất sử dụng từ điển số

Tần suất sử dụng từ điển giấy cho thấy ít được dùng 59.8% (73) hiếm khi, 22.1% (27) vài lần/tháng, 11.5% (14) vài lần/tuần, 6.6% (8) hằng ngày 1.6% (2). Từ điển số (online, ứng dụng, công cụ AI) được ưa thích hơn với 75.4% (92) dùng hằng ngày, 20.5% (25) mỗi tuần, 3.3% (4) mỗi tháng, 0.8% (1) hiếm khi, cho thấy ưu tiên rõ rệt cho các giải pháp số so với in giấy (75.4% và 6.6%).

So sánh mức độ sử dụng từ điển số theo năm học cho thấy những khác biệt rõ rệt. SV năm thứ nhất có tần suất sử dụng hàng ngày cao hơn, có thể do nhóm này cần hỗ trợ từ vựng nhiều hơn khi thích nghi với tiếng Anh ở cấp độ đại học. Trong khi đó, SV năm thứ ba có xu hướng tiếp cận cân bằng hơn, sử dụng từ điển số ít thường xuyên hơn khi vốn từ vựng của họ mở rộng và khả năng suy luận ý nghĩa từ ngữ cảnh được cải thiện. Xu hướng này cho thấy khi tiến bộ trong hành trình học tập, SV phát triển các chiến lược học ngôn ngữ mang tính tự chủ và dựa trên ngữ cảnh hơn, từ đó giảm sự phụ thuộc vào từ điển số để tra cứu từ ngay lập tức.

4.2. Phương thức tra cứu ưa thích

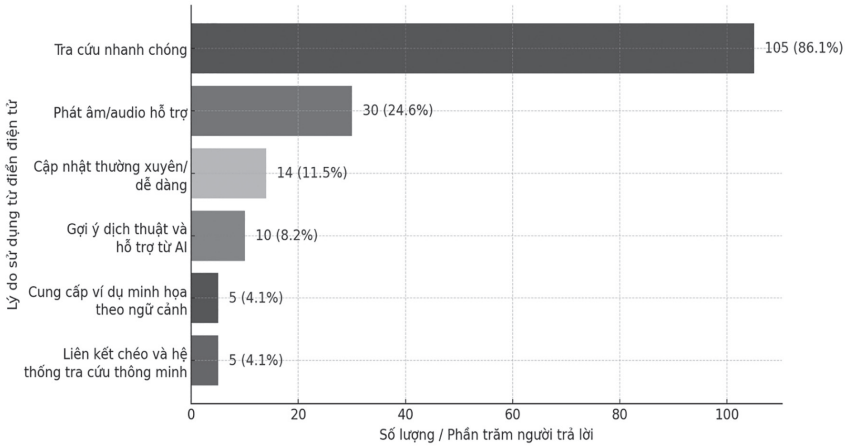
Kết quả khảo sát cho thấy SV đại học có xu hướng ưa chuộng từ điển số. Cụ thể, 73,0% (89/122)

SV tham gia khảo sát ưu tiên sử dụng từ điển số (75,4% sử dụng hàng ngày), bao gồm các ứng dụng di động và các nguồn trực tuyến như Oxford Learner's Dictionary và Cambridge Dictionary. Ngoài ra, 23,8% (29/122) SV dựa vào các công cụ dịch thuật sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chẳng hạn như Google Translate, DeepL và ChatGPT, phản ánh nhu cầu ngày càng tăng đối với trợ lý ngôn ngữ tức thời do AI cung cấp. Ngược lại, chỉ 2,5% (3/122) SV vẫn sử dụng từ điển giấy cho thấy sự chuyển đổi gần như hoàn toàn sang tài nguyên số trong thực tiễn học ngôn ngữ hiện đại. Những phát hiện này phù hợp với xu hướng toàn cầu rộng lớn hơn, trong đó sự tiện lợi, khả năng tiếp cận và những tiến bộ công nghệ đang góp phần thúc đẩy sự thống trị ngày càng tăng của các công cụ học ngôn ngữ kĩ thuật số (KTS) so với từ điển in giấy truyền thống.

4.3. Các tính năng được đánh giá cao nhất của từ điển số

Khảo sát cho thấy SV đánh giá cao một số tính năng thiết yếu trong quá trình học từ vựng bằng từ điển số. Quan trọng nhất là chức năng tìm kiếm nhanh, với 86,1% người tham gia nhấn mạnh vai trò của việc tra cứu tức thời trong bối cảnh học tập và giao tiếp theo thời gian thực. Ngoài ra, 24,6% SV coi hỗ trợ phát âm là một yếu tố quan trọng, giúp cải thiện kỹ năng nói và nghe hiểu nhờ phát âm chính xác. Một nhóm nhỏ hơn (8,2%) đánh giá cao dịch thuật AI và gợi ý thông minh, cho thấy xu hướng ngày càng phụ thuộc vào AI để hiểu và sử dụng từ vựng theo ngữ cảnh. Bên cạnh đó, 4,1% SV nhấn mạnh lợi ích của tra cứu chéo và tìm kiếm thông minh, giúp họ khám phá mối liên kết giữa các từ và ý nghĩa liên quan. Điều này cho thấy một số người học ưu tiên phương pháp tiếp cận toàn diện hơn trong việc mở rộng vốn từ (xem hình minh họa).

Một số SV cũng đề cập đến ví dụ theo ngữ cảnh và cập nhật từ điển (4,1% và 11,5%) cho thấy mối quan tâm toàn diện hơn của người học. Nhìn chung, tốc độ tra cứu, hỗ trợ phát âm và chức năng tìm kiếm thông minh là những thuộc tính được đánh giá cao nhất, khẳng định vai trò quan trọng của từ điển số trong việc học ngôn ngữ.



Hình: Các tính năng quan trọng của từ điển số đối với SV

4.4. Xu hướng dịch chuyển khỏi từ điển giấy

Dữ liệu khảo sát cho thấy sự suy giảm đáng kể trong việc sử dụng từ điển giấy của SV đại học, đồng thời nhấn mạnh sự thống trị của các công cụ số trong quá trình học ngôn ngữ. Mặc dù 45,9% người tham gia khảo sát chủ yếu dựa vào từ điển số, họ vẫn tham khảo từ điển giấy trong một số tình huống cụ thể. Điều này cho thấy mặc dù tài nguyên số đã trở thành lựa chọn ưu tiên, một số SV vẫn nhận thấy giá trị của tài liệu in truyền thống. Một tỷ lệ đáng kể 45,9% (n=56) SV đã hoàn toàn chuyển sang sử dụng từ điển số (con số này lên tới hơn 95,1% nếu cộng cả số "Ưu thích dùng từ điển số"), cho thấy sự phụ thuộc ngày càng lớn vào các công cụ và giải pháp KTS. Xu hướng này phản ánh sự phát triển công nghệ rộng rãi và sự tiện lợi ngày càng tăng của các ứng dụng di động cũng như các nguồn tài nguyên trực tuyến. Ngoài ra, 6,6% người tham gia khảo sát duy trì cách tiếp cận kết hợp, sử dụng cả từ điển số

và từ điển giấy với tần suất tương đương. Điều này cho thấy một nhóm nhỏ SV vẫn nhận thấy lợi ích của từ điển truyền thống, có thể là để nghiên cứu chuyên sâu, phục vụ nhu cầu học thuật cụ thể hoặc chưa dứt bỏ thói quen.

Đáng chú ý, việc chỉ có 6,6% SV báo cáo rằng họ sử dụng từ điển in giấy hàng ngày và 1,6% dựa hoàn toàn dựa vào từ điển giấy cho thấy loại tài liệu này gần như không còn phổ biến trong giới SV đại học. Những phát hiện này nhấn mạnh cách công nghệ đã định hình lại quá trình tiếp thu từ vựng, biến từ điển giấy trở thành di sản và từ điển số trở thành công cụ chủ đạo trong việc học ngôn ngữ.

4.5. Thách thức và hạn chế

Mặc dù tiện lợi, SV vẫn chỉ ra một số hạn chế của từ điển số. Mối quan tâm chính là độ chính xác, vì các công cụ dịch thuật AI đôi khi đưa ra bản dịch thô, sát nghĩa hoặc không chính xác dẫn đến hiểu lầm. Sự phân tâm cũng là một vấn đề, do việc sử dụng điện thoại thông minh khiến SV dễ bị ảnh hưởng bởi thông báo và mạng xã hội. Ngoài ra, một số SV cho rằng tra từ nhanh có thể dẫn đến học tập hời hợt, không khuyến khích tìm hiểu sâu về từ vựng và ngữ cảnh sử dụng. Điều này cho thấy cần có chiến lược giúp nâng cao chất lượng học ngôn ngữ.

4.6. Tóm tắt kết quả

Nghiên cứu chỉ rõ từ điển số đã được ưa chuộng áp đảo, với 75,4% SV sử dụng hàng ngày so với chỉ 6,6%% vẫn dựa vào phiên bản in. Những lợi ích chính bao gồm tốc độ tra cứu nhanh, hỗ trợ phát âm, đa phương tiện và dịch thuật dựa trên AI, giúp nâng cao khả năng tiếp cận và hiệu quả trong việc học từ vựng. Tuy nhiên, những thách thức như sự phân tâm từ môi trường KTS và việc tiếp thu từ vựng một cách hời hợt vẫn là các vấn đề nổi cộm, có thể ảnh hưởng đến khả năng ghi nhớ lâu dài. Phát hiện của nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ cách từ điển số tác động đến việc tiếp thu từ vựng của SV đại học và nhấn mạnh sự cần thiết của các chiến lược sư phạm nhằm giảm thiểu hạn chế, đồng thời tối ưu hóa lợi ích giáo dục của chúng.

5. Thảo luận

5.1. So sánh với các nghiên cứu trước đây

Phần lớn kết quả của nghiên cứu này phù hợp với các nghiên cứu trước về việc sử dụng từ điển số, đồng thời cung cấp thêm những hiểu biết mới về các xu hướng đang nổi lên. Việc SV ưa chuộng từ điển số (75,4% sử dụng hàng ngày) phản ánh kết luận rằng công cụ học ngôn ngữ với trợ giúp của máy tính giúp cải thiện việc học từ vựng nhờ khả năng tra cứu nghĩa và phát âm tức thì [4]. Tương tự, Lew, R. (2024) [1] và Nguyen, H. B. (2021) [3] nhấn mạnh sự phổ biến ngày càng tăng của từ điển trực tuyến do khả năng cập nhật liên tục và tính tiện dụng. Nghiên cứu này không mâu thuẫn với quan điểm của Atkins, B. T. S., & Rundell, M. (2008) [6] rằng từ điển giấy khuyến khích học từ vựng chuyên sâu hơn. Tuy phương pháp học có hệ thống vẫn có giá trị nhưng mức độ sử dụng thấp của từ điển giấy (chỉ 6,6% SV) cho thấy phương pháp tra cứu truyền thống có thể không còn phù hợp trong bối cảnh học thuật hiện đại. Ngoài ra, tỷ lệ sử dụng công cụ dịch thuật AI (8,2%) như Google Translate, DeepL và ChatGPT, đánh dấu một sự thay đổi đáng kể mà các nghiên cứu trước đây chưa nhấn mạnh, cho thấy cần có thêm nghiên cứu về tác động của AI đến thói quen sử dụng từ điển. Một điểm khác biệt nữa là vấn đề mất tập trung khi sử dụng từ điển số, vốn không phải trọng tâm trong các nghiên cứu trước. Trong khi các nghiên cứu trước đây đánh giá cao sự tiện lợi của từ điển số, nghiên cứu này chỉ ra một thách thức đang gia tăng, đó là nhiều SV gặp khó khăn với sự phân tâm khi sử dụng ứng dụng từ điển trên điện thoại, ảnh hưởng đến khả năng học tập tập trung chuyên sâu. Điều này phù hợp với nhận định rằng các công cụ dịch AI, dù có tính thích ứng cao, đôi khi khuyến khích cách tiếp cận thụ động thay vì tương tác tích cực với ngôn ngữ [5]. Như vậy, nghiên cứu này một mặt nhấn mạnh ưu thế của từ điển số về hiệu quả và khả năng truy cập, mặt còn lại nêu lên những thách thức mới liên quan đến sự phụ thuộc vào AI và sự phân tâm KTS, những vấn đề chưa được nghiên cứu đầy đủ trước đây.

5.2. Ứng dụng sư phạm

Việc SV ưu tiên sử dụng từ điển số nhấn mạnh nhu cầu giáo viên áp dụng các chiến lược giúp tối ưu hóa

hiệu quả của chúng trong việc học ngôn ngữ. Thay vì chỉ dựa vào các định nghĩa ngắn gọn, SV nên được khuyến khích khám phá các ví dụ ngữ cảnh và cụm từ đi kèm trong mục từ điển. Giáo viên có thể thiết kế bài tập yêu cầu SV tham khảo nhiều nguồn khác nhau khi học từ mới, qua đó rèn luyện tư duy phản biện và hiểu sâu hơn về từ vựng. Mặc dù 8,2% SV sử dụng công cụ dịch thuật AI nhưng việc hướng dẫn cách sử dụng hợp lý là điều cần thiết vì xu hướng này đang ngày càng phát triển. Các buổi học nên tập trung vào việc nhận diện lỗi dịch và kiểm tra lại ý nghĩa của từ trong các từ điển đáng tin cậy. Cách tiếp cận này giúp SV tránh lệ thuộc quá mức vào AI đồng thời nâng cao khả năng đánh giá ngôn ngữ của họ.

Do điện thoại thông minh thường gây xao nhãng, SV nên được khuyến khích sử dụng ứng dụng từ điển số chuyên dụng có chế độ ngoại tuyến thay vì tìm kiếm trên web. Ngoài ra, việc áp dụng các kĩ thuật quản lý thời gian, chẳng hạn như phương pháp Pomodoro, có thể giúp duy trì sự tập trung khi sử dụng tài nguyên số. Như vậy, để tận dụng tối đa lợi ích của từ điển số, giáo viên nên tích hợp chúng vào chương trình giảng dạy thông qua các chiến lược thúc đẩy học tập chuyên sâu, nâng cao hiểu biết về AI và quản lý hiệu quả sự xao nhãng.

5.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu trong tương lai

Mặc dù nghiên cứu này cung cấp những hiểu biết quan trọng về việc sử dụng từ điển của SV, một số hạn chế cần được thừa nhận. Trước tiên, việc dựa vào dữ liệu khảo sát tự báo cáo có thể dẫn đến sai lệch trong phản hồi. SV có thể đã đánh giá cao hoặc thấp hơn mức sử dụng từ điển thực tế của họ, gây ra những sai lệch trong dữ liệu. Các phương pháp khách quan hơn, chẳng hạn như nghiên cứu quan sát hoặc theo dõi tần suất sử dụng ứng dụng, có thể cung cấp dữ liệu chính xác hơn về cách tương tác với từ điển. Thứ hai, nghiên cứu này chỉ tập trung vào SV năm thứ nhất và năm thứ ba ngành Ngôn ngữ Anh tại một đại học, điều này làm hạn chế khả năng khái quát hóa kết quả đối với các nhóm người học khác. SV sau đại học, người học ngôn ngữ trong bối cảnh phi học thuật hoặc những người có trình độ ngôn ngữ khác nhau có thể có thói quen sử dụng từ điển khác biệt. Do đó, các nghiên cứu trong tương lai nên mở rộng phạm vi đối tượng để đảm bảo tính bao quát của kết quả. Ngoài ra, sự phát triển nhanh chóng của AI và các công cụ học tập KTS là một thách thức khác. Khi các công nghệ này tiếp tục tiến bộ, cách SV tương tác với từ điển có thể thay đổi đáng kể. Do đó, nghiên cứu sau này nên áp dụng phương pháp tiếp cận theo thời gian để theo dõi sự tác động của AI đến việc tiếp thu từ vựng và mức độ phụ thuộc vào từ điển. Vì vậy, để có cái nhìn toàn diện hơn về xu hướng sử dụng từ điển, các nghiên cứu trong tương lai nên kết hợp phương pháp theo dõi hành vi và mở rộng phạm vi đối tượng nghiên cứu đến nhiều nhóm người học khác nhau.

6. Một số đề xuất

Các nghiên cứu tiếp theo nên: - Phân tích dữ liệu khách quan: Sử dụng theo dõi ứng dụng hoặc công nghệ theo dõi mắt để đo lường chính xác hơn hành vi tra cứu từ điển và giảm sai lệch từ việc tự báo cáo; - Đánh giá tác động của AI: Xác định liệu sự phụ thuộc vào AI có ảnh hưởng đến khả năng ghi nhớ từ vựng lâu dài hay không; - Nghiên cứu sự phân tâm KTS: Đề xuất các chiến lược giúp SV duy trì sự tập trung khi học từ vựng với công cụ số; - So sánh giữa các nhóm người học: Nghiên cứu sự khác biệt trong việc sử dụng từ điển giữa SV, học viên cao học và người đi làm để hiểu rõ hơn về xu hướng sử dụng theo bối cảnh.

Thật vậy, những nghiên cứu này sẽ giúp đánh giá toàn diện hơn về hiệu quả và vai trò ngày càng phát triển của từ điển số trong việc học ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng.

7. Kết luận

Thông qua khảo sát định lượng dựa trên cách tiếp cận cắt ngang, nghiên cứu phân tích thói quen sử dụng, hiệu quả và thách thức của từ điển số trong nhóm SV ngành Ngôn ngữ Anh của Đại học Bách khoa Hà Nội. Kết quả cho thấy 75,4% SV sử dụng từ điển số hàng ngày, trong khi chỉ 6,6% vẫn ưa chuộng từ điển giấy. Đáng chú ý, 8,2% SV thường xuyên dùng các công cụ dịch thuật AI như Google Translate, DeepL và ChatGPT, phản ánh vai trò ngày càng quan trọng của AI trong việc học từ vựng.

SV đánh giá cao chức năng tra cứu nhanh (86,1%), hỗ trợ phát âm (24,6%) và gợi ý dịch thuật AI

(8,2%). Tuy nhiên, các vấn đề về độ chính xác, sự phụ thuộc quá mức vào AI và sự phân tâm do thiết bị số là những thách thức cần đặc biệt chú ý. Kết quả của nghiên này phù hợp với các nghiên cứu trước đây, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết cần có các nghiên cứu sâu về nâng cao sự tập trung trong học tập và về về khai thác, ứng dụng AI trong tra cứu từ điển.

Tài liệu tham khảo

[1] Lew, R. (2024), *Electronic dictionaries: New perspectives on lexicography (Từ điển điện tử: Những góc nhìn mới về từ điển học)*. Oxford University Press.

[2] Rundell, M. (2015), *From print to digital: The changing landscape of dictionaries (Từ in giấy đến kĩ thuật số: Sự thay đổi của bối cảnh từ điển)*, International Journal of Lexicography, 28(3), 245-266.

[3] Nguyễn Huy Bỉnh (2021), *Giá trị của việc ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực từ điển và bách khoa thư*, Thông tin Khoa học xã hội, soos 2 (458), tr. 55-59.

[4] Laufer, B., & Hill, M. (2000), *What lexical information do L2 learners select in a CALL dictionary and how does it affect word retention (Người học ngôn ngữ thứ hai (L2) lựa chọn thông tin từ vựng nào trong từ điển CALL và điều đó ảnh hưởng ra sao đến việc ghi nhớ từ)?*, Language Learning & Technology, 3(2), 58-76.

[5] Malmkjær, K., & Sakamoto, A. (2022), *The role of artificial intelligence in translation: Benefits and limitations (Vai trò của trí tuệ nhân tạo trong dịch thuật: Lợi ích và hạn chế),* AI & Language Learning, 19(3), 223-239.

[6] Atkins, B. T. S., & Rundell, M. (2008), *The Oxford guide to practical lexicography (Hướng dẫn của Oxford về từ điển học thực tiễn),* Oxford University Press.

[7] Krashen, S. D. (1985), *The input hypothesis: Issues and implications (Thuyết đầu vào: Các vấn đề và tác động),* Longman.

[8] Paivio, A. (1971), *Imagery and verbal processes (Các quá trình hình tượng và ngôn từ),* Holt, Rinehart & Winston.

[9] Nation, P. (2001), *Learning vocabulary in another language (Học từ vựng trong một ngôn ngữ khác)*, Cambridge University Press.

[10] Laufer, B., & Hadar, L. (1997), *Assessing the effectiveness of monolingual, bilingual, and bilingualized dictionaries in the comprehension and production of new words (Đánh giá hiệu quả của từ điển đơn ngữ, song ngữ và song ngữ kết hợp trong việc lĩnh hội và sản sinh từ mới),* The Modern Language Journal, 81(2), 189-196.

THỰC TRẠNG RÈN LUYỆN KĨ NĂNG...

Tiếp theo trang 48

2.5.2. Sử dụng đa dạng các dạng bài tập trắc nghiệm trong dạy học và kiểm tra, đánh giá kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận của học sinh lớp 8

Qua khảo sát thực trạng sử dụng hệ thống bài tập trắc nghiệm, chúng tôi nhận thấy GV đã sử dụng các dạng bài tập trắc nghiệm nhưng tỉ lệ này chưa cao (trên 50%). Do vậy, để đánh giá toàn diện kĩ năng đọc hiểu VBNL và tạo hứng thú cho HS lớp 8 khi làm bài tập, đề kiểm tra, đề thi đọc hiểu VBNL, GV cần sử dụng đa dạng các loại bài tập trắc nghiệm sau: trắc nghiệm đúng sai, trắc nghiệm ghép đôi, trắc nghiệm điền khuyết, trắc nghiệm nhiều lựa chọn…

3. Kết luận

PISA là chương trình đánh giá HS quốc tế uy tín hiện nay trên thế giới. Trong lĩnh vực đọc hiểu, PISA đã sử dụng hệ thống câu hỏi/bài tập trắc nghiệm kết hợp tự luận ngắn. Vì vậy, trong dạy học Ngữ văn nói chung và dạy học đọc hiểu VBNL nói riêng, GV cần kết hợp linh hoạt các dạng câu hỏi/bài tập trắc nghiệm với các hình thức kiểm tra khác để đạt hiệu quả dạy học cao hơn, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực toàn diện cho HS trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.

[2] Lê Quang Hùng (2020), *Trắc nghiệm nhiều lựa chọn với hoạt động kiểm tra đánh giá trong dạy học Ngữ văn,* Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai, số 19.

[3] Đoàn Thị Thanh Huyền, Lê Thị Minh Nguyệt, Phan Thị Hồng Xuân (2021), *Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trung học cơ sở trong dạy học Ngữ văn* (theo chương trình giáo dục phổ thông 2018), NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[4] Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Phạm Minh Diệu, Nguyễn Thành Thi (2008), *Làm văn*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5] Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Kiến Thọ, Trần Thị Ngọc (2021), *Giáo trình Đánh giá trong dạy học Ngữ văn*, NXB Công thương , Hà Nội.